

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y YẾ HẢI DƯƠNG

Số 102, phố Chi Lăng, P.Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

Tháng 3/ 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y YẾ HẢI DƯƠNG

Số 102, phố Chi Lăng, P.Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

Tháng 3/ 2014

THÔNG TIN CHUNG

- ❖ Tổng quan
- ❖ Thông tin khái quát
- ❖ Ngành nghề hoạt động kinh doanh
- ❖ Địa bàn hoạt động kinh doanh
- ❖ Sơ đồ quản lý công ty
- ❖ Quá trình hình thành và phát triển
- ❖ Định hướng và phát triển
- ❖ Rủi ro



TỔNG QUAN


Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương tiền thân là xí nghiệp liên hợp dược Hải Hưng.

Với hàng trăm mặt hàng ở nhiều nhóm bệnh, phong phú dạng bào chế, mẫu mã đẹp, giá thành hợp lý, có hiệu quả điều trị tốt đã làm vừa lòng người tiêu dùng trong cả nước. Sản phẩm của công ty đã thắng thầu trong nhiều bệnh viện lớn từ Trung ương đến địa phương. Người tiêu dùng, bác sỹ điều trị tin tưởng mến mộ sản phẩm, cổ vũ HDPHARMA tiếp tục mở rộng đầu tư và phát triển.

Công ty đã được tặng nhiều danh hiệu: nhiều năm liền đạt danh hiệu Doanh nghiệp tiêu biểu. Năm 2010 được UBND tỉnh tặng bằng khen đơn vị lao động xuất sắc. 2 năm liền được tặng danh hiệu Thương hiệu mạnh tỉnh Hải Dương, được cấp chứng nhận là Thương hiệu Việt uy tín, là Doanh nghiệp Hội nhập và phát triển, là Nhà cung cấp chất lượng năm 2012.

Những thành tích trên đã đưa Dược Hải Dương - thương hiệu HDPHARMA trở thành thương hiệu mạnh và nổi tiếng trong tỉnh cũng như trong cả nước.

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	:	Hai Duong Pharmaceutical Medical Material Joint Company
Tên viết tắt	:	HD Pharma
Logo	:	
Vốn điều lệ	:	30.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng).
Trụ sở chính	:	Số 102 Chi Lăng - Phường Nguyễn Trãi - TP Hải Dương - Hải Dương
Điện thoại	:	(84-320) 3853 848
Fax	:	(84-320) 3853 848
Email	:	info@haiduongduoc.com.vn
Website	:	www.haiduongduoc.com
Giấy chứng nhận ĐKKD	:	0800011018
Mã cổ phiếu	:	DHD

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH CỦA CÔNG TY

Thành lập

Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương tiền thân là xí nghiệp liên hợp Dược Hải Hưng. Xí nghiệp thành lập ngày 01/07/1983 theo quyết định số 07/TC ngày 23/06/1983 của UBND tỉnh Hải Hưng. Xí nghiệp được thành lập trên cơ sở sáp nhập công ty Dược phẩm và xí nghiệp Dược phẩm tỉnh.

Ngày 02/12/1999, xí nghiệp liên hợp Dược được đổi tên thành công ty Dược Vật tư Y tế Hải Dương theo quyết định số 2749/1999/QĐ-UB của UBND tỉnh Hải Dương.

Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần

Ngày 18/06/2002, UBND tỉnh Hải Dương có quyết định số 2750/QĐ-UB đồng ý cho công ty Dược Vật tư Y tế Hải Dương chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần. Ngày 10 và 11/03/2003 đại hội cổ đông thứ nhất thông qua và phản ánh điều lệ công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.

Ngày 01/04/2003, Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương chính thức được thành lập và đi vào hoạt động với tên giao dịch Haduphaco.

Tháng 06/2007, Công ty đổi tên giao dịch thành HD pharma.

Các sự kiện khác

Thời điểm	Sự kiện
01/04/2003	Công ty được thành lập với vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 10.260.000.000 đồng và số vốn thực góp được ghi trong Điều lệ là 10.260.000.000 đồng.
15/07/2010	Vốn điều lệ của Công ty tăng lên 30 tỷ đồng thông qua đợt phát hành 1.974.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, CBCNV và cổ đông chiến lược theo giấy chứng nhận chào bán số 611/UBCK – GCN ngày 15 tháng 07 năm 2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;
- Bán buôn thực phẩm chức năng;
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Bán buôn tinh dầu, dược liệu, kính mắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm chức năng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Trồng cây dược liệu;
- Chăn nuôi tằm kè, rắn (được Nhà nước cho phép);
- In ấn;
- Dịch vụ tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y, dược, mỹ phẩm và thực phẩm; dịch vụ kiểm tra chất lượng dược phẩm, thực phẩm chức năng;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý thuốc chữa bệnh, hóa mỹ phẩm, dược phẩm chức năng, dụng cụ y tế, thiết bị y tế, kính mắt, dược liệu, tinh dầu, hóa chất,
- Cho thuê văn phòng, bến bãi, cửa hàng, nhà kho, nhà ở;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; dịch vụ chăm sóc sắc đẹp.

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Trụ sở chính của Công ty tại:

Fax: 0320.3837864-853848

Số 102 Chi Lăng - Phường Nguyễn
Trãi - TP Hải Dương - Hải Dương.

2. Hà Nội

Chi nhánh Hà Nội – Công ty cổ phần
Dược VTYT Hải Dương

2. Hải Dương

Công ty cổ phần Dược VTYT Hải
Dương:

137 D4 Khu Đô thị mới Đại Kim, Hoàng
Mai, Hà Nội

Địa chỉ: 102 Chi Lăng, tp Hải Dương,
Hải Dương.

ĐT: 04.36415279

ĐT: 0320.3853848 – 3858824 -
3830211

3. Tuyên Quang

Công ty Dược Tuyên Quang

Địa chỉ: Đường Quang Trung, P. Tân
Quang, TX. Tuyên Quang.

Điện thoại: (027) 3 822 533

4. Hải Phòng

Công ty TNHH Dược phẩm Hậu Vũ

Địa chỉ: Số 9-11-13 Lê Chân, An Biên,
Hải Phòng

Điện thoại: 0313.630.618

Công ty Thương mại Dược phẩm Minh
Nhật

Địa chỉ: 202, khu 2 Quán Toan, Hồng
Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (031) 3 500 637

5. Điện Biên

Công ty Cổ phần Dược phẩm Điện
Biên

Địa chỉ: Phố 7, phường Tân Thanh, TP
Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

6. Hoà Bình

Công ty TNHH Dược phẩm Hà Việt

Địa chỉ: 15 Cù Chính Lan, tổ 17,
phường Đồng Tiến, TP. Hoà Bình

Điện thoại: (0218) 3 896 081

7. Sơn La

Công ty Cổ phần Dược phẩm Dương
Hồng Thuý

Địa chỉ: 54 Lò Văn Giá, TP. Sơn La,
tỉnh Sơn La

Điện thoại: (022) 3 850 866

8. Bắc Ninh

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh

Địa chỉ: 21 Nguyễn Văn Cừ, TP. Bắc
Ninh

Điện thoại: (0241) 821 313

9. Bắc Giang

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc
Giang

Địa chỉ: 165 Lê Lợi, phường Hoàng
Văn Thụ, TP. Bắc Giang

Điện thoại: (0240) 828 958

Công ty TNHH Dược phẩm Ngọc Đông

Địa chỉ: 18/12 đường Lê Lợi, phường
Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang

Điện thoại: (0240) 855 814

10. Thái Nguyên

Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Lan

Địa chỉ: Số 14 Lương Ngọc Quyến, TP.
Thái Nguyên

Điện thoại: (0280) 852 105

Công ty TNHH DP Hữu Yến

Địa chỉ: Số 965, đường Dương Tự
Minh, phường Hoàng Văn Thụ, thành
phố Thái Nguyên

Điện thoại: 0280.3.854.246

11. Lạng Sơn

Nhà thuốc Thành Công

Địa chỉ: 115 Lê Hồng Phong, TP. Lạng Sơn

Điện thoại: (025) 876 671

12. Quảng Ninh

Công ty TNHH Hải Bình

Địa chỉ: 58 Tổ 3 khu 6 Phường Hồng Hải, TP. Hạ Long

Điện thoại: (033) 383 2271

13. Nam Định

Công ty TNHH Dược phẩm Tuyên Thạc

Địa chỉ: 10A/29 đường Văn Cao, Năng Tĩnh, Nam Định.

Điện thoại: (0350) 3 837 61

14. Vĩnh Phúc

Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc

Địa chỉ: Số 10, Tô Hiệu, Đống Đa, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

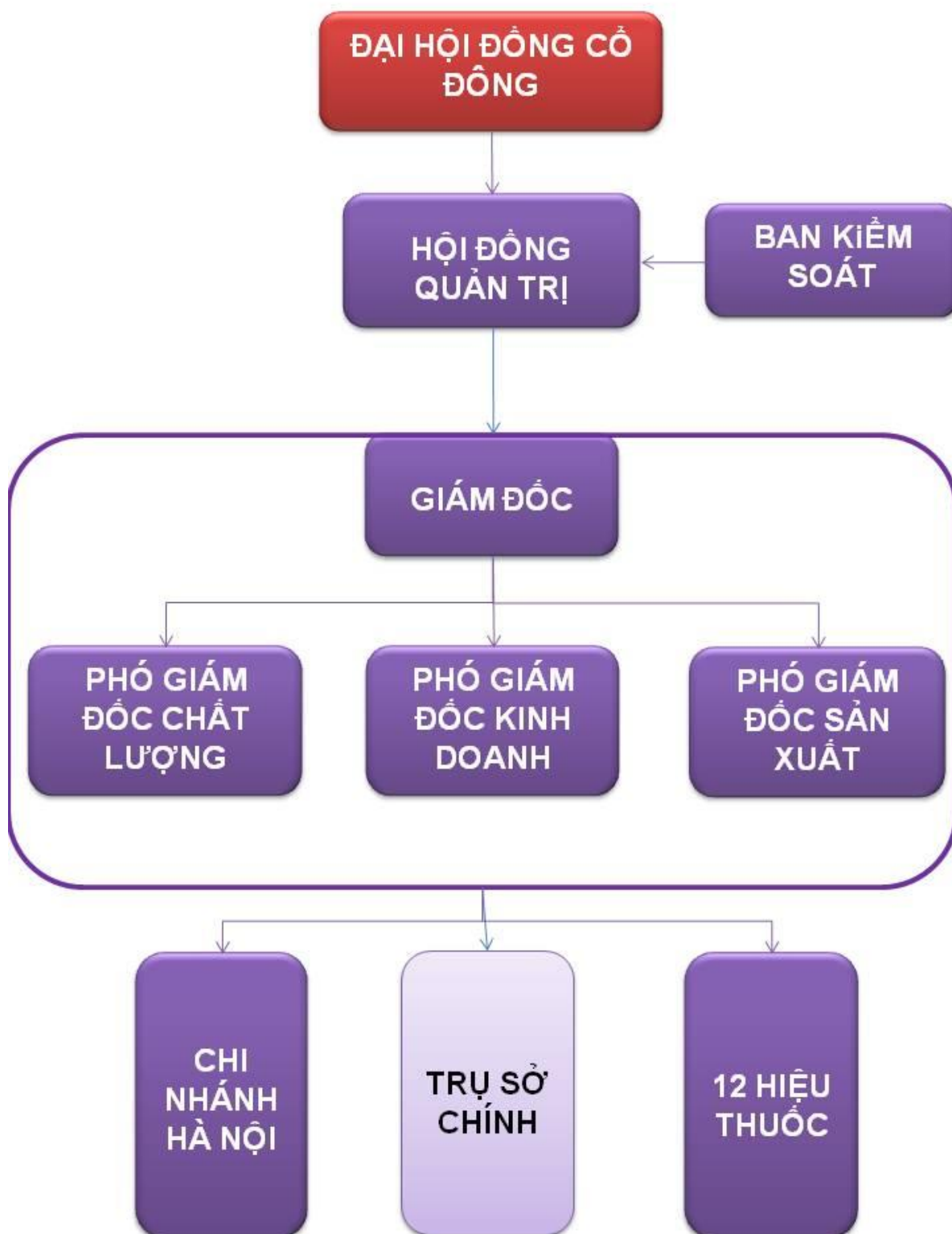
Điện thoại: 0211 3862 705

Công ty TNHH Dược phẩm Hải Nga

Địa chỉ: Cầu Kiệu, Chấn Hưng, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc

ĐT: 0211.3838.149

SƠ ĐỒ QUẢN LÝ CÔNG TY





ĐỊNH HƯỚNG VÀ PHÁT TRIỂN

1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- Xây dựng Công ty CP Dược VTYT Hải Dương trở thành một trong những ngọn cờ đầu trong lĩnh vực dược phẩm VN.
- Xây dựng một hệ thống nhà máy hiện đại, liên hoàn, đạt tiêu chuẩn GMP - WHO và đa dạng các mặt hàng thuốc. Hệ thống các dây chuyền:
 - Dây chuyền thuốc viên nang mềm không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam
 - Dây chuyền dung dịch tiêm, hỗn dịch tiêm, nhũ dịch tiêm không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam
 - Dây chuyền thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam
 - Dây chuyền thuốc viên, thuốc bột, thuốc cốm, siro, thuốc nước uống, thuốc dùng ngoài, rượu thuốc, cao thuốc...có nguồn gốc từ dược liệu
 - Dây chuyền thuốc kem, thuốc mỡ và gel không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam
- Kiện toàn hệ thống quản lý chất lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm đến ngang tầm tiêu chuẩn chất lượng của khối EU.

- Công ty CP Dược VTYT Hải Dương trở thành một trong những điểm đến hợp tác hấp dẫn, an toàn, hiệu quả, đáng tin cậy của các nhà đầu tư nước ngoài cũng như các doanh nghiệp dược phẩm nước ngoài.
- Thuốc của Công ty CP Dược VTYT Hải Dương có mặt rộng khắp trên thị trường trong nước và quốc tế với uy tín và chất lượng cao.

2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Về khẩu hiệu và chiến lược kinh doanh:

Lấy phục vụ làm mục đích kinh doanh, lấy hiệu quả kinh doanh làm động lực của sự phát triển.

- Về chính sách chất lượng sản phẩm/ dịch vụ

Bảo vệ và nâng cao chất lượng sản phẩm là sứ mệnh của Doanh nghiệp.

- Về chính sách thị trường và bán hàng

Có chiến lược phủ kín thị trường và mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm đến vùng sâu, vùng xa để phục vụ kịp thời người tiêu dùng.

- Về tuyên truyền, quảng bá thương hiệu, sản phẩm/ dịch vụ

Có kế hoạch quảng bá trên VTV1, VTV3 và các kênh truyền hình địa phương; trên các báo - tạp chí; trên Website của công ty và Website www.thuocvabietduoc.com, website: xuctienthuongmai.vn

- Về đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật

- Đầu tư đổi mới máy móc, trang thiết bị hiện đại cho các dây chuyền hiện có của công ty.
- Hiện đại hóa dây chuyền sản xuất Đông dược theo tiêu chuẩn GMP - WHO.
- Nâng cấp dây chuyền sản xuất thuốc Nước và kem mỡ đạt tiêu chuẩn GMP - WHO.
- Mở rộng dây chuyền thuốc Tiêm (thêm bộ phận Đông khô - Dịch truyền).

- Về chính sách đào tạo nhân lực

- Mở rộng đào tạo tại chỗ; gửi CBCNV đi đào tạo nâng cao;
- Mời chuyên gia đến hướng dẫn sử dụng máy móc, chuyển giao công nghệ cho CBCNV làm việc trực tiếp.

- Về xây dựng văn hóa doanh nghiệp

- Tuyên truyền cho CBCNV chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nước, nội quy quy chế của doanh nghiệp.
 - Tôn trọng các giá trị của doanh nghiệp (tôn trọng chất lượng sản phẩm do mình tạo ra).
 - Tác phong làm việc công nghiệp, thái độ làm việc vui vẻ, văn minh lịch sự.
 - Thực hiện tốt các quyền lợi đối với người lao động; động viên khen thưởng CBCNV kịp thời tạo động lực cho người lao động trong lao động sản xuất.
 - Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức đoàn thể trong Doanh nghiệp hoạt động.
- **Các hoạt động khác**
- Đối với việc bảo vệ môi trường: nghiêm chỉnh chấp hành hướng dẫn của cơ quan chức năng; trang bị những thiết bị, xây dựng những công trình nhằm bảo vệ môi trường.
 - Tích cực tham gia các hoạt động của địa phương: đóng góp đầy đủ các quỹ, thăm hỏi tặng quà cho các đối tượng chính sách, trẻ em; tích cực tham gia các hoạt động công ích của địa phương ...
 - Sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của Nhà nước.
 - Doanh nghiệp cam đoan và chịu trách nhiệm tính khách quan và xác thực của các thông tin trong Hồ sơ cũng các tài liệu kèm theo.

RỦI RO

Tồn tại duy nhất mang tính khách quan, đó là rủi ro trong công nợ phải thu nảy sinh trong quá trình kinh doanh. Đây là rủi ro luôn song hành và đặc biệt trong lúc nền kinh tế suy thoái, khủng hoảng thì sẽ sớm bộc lộ bị mất công nợ khi các doanh nghiệp bị phá sản, giải thể, ngừng hoạt động, mất khả năng thanh toán.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ❖ Tổ chức và nhân sự
- ❖ Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TRONG NĂM

Chỉ tiêu (ĐVT : đồng)	Thực hiện 2013	% Thực hiện Kế hoạch	Thực hiện 2012	% Thực hiện Kế hoạch	TH 2013/TH 2012
Tổng tài sản	245.990.571.312		268.408.549.363		-8,35%
Doanh thu thuần	742.086.486.351	103%	684.429.407.824	120%	8,42%
Lợi nhuận từ HĐKD	37.548.889.815		24.794.544.103		51,44%
Lợi nhuận khác	(1.131.512.878)		2.140.274.586		-152,87%
Lợi nhuận trước thuế	36.417.376.937	146%	26.934.818.689	170%	35,21%
Lợi nhuận sau thuế	27.961.882.615		20.792.246.042		34,48%
Tỉ lệ cổ tức	23%	100%	23%	100%	100%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

Họ tên	Ngày sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác	Số cổ phần nắm giữ
Nguyễn Xuân Trang	02/08/1953.	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Tốt nghiệp bằng Dược sỹ đại học		47.000 cổ phần – tương ứng tỉ lệ 1,57%
Nguyễn Thị Tú Anh	01/09/1965.	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc.	Tốt nghiệp Đại học Dược		73.860 cổ phần – tương ứng tỉ lệ 2,46%
Chu Văn Long	06/02/1966.	Kế toán trưởng	Tốt nghiệp bằng cử nhân Đại học tài chính kế toán.		là 13.300 cổ phần – tương ứng tỉ lệ 0,44%

Số lượng cán bộ nhân viên và chính sách với người lao động

Cơ cấu lao động

Tổng số CBCNV trong Công ty 620 người, Trong đó, cơ cấu theo trình độ lao động như sau:

Bảng 14- Cơ cấu lao động theo trình độ lao động

STT	Trình độ lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Dược sỹ đại học	25	4,0
2	Đại học khác	52	8,4
3	Dược sỹ trung học và TH khác	386	62,3
4	Sơ học + Dược tá	150	24,2
5	Cao đẳng	7	1,1
	Tổng	620	100

(Nguồn: Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương)

Chính sách với người lao động

Công ty luôn xây dựng môi trường làm việc mà ở đó khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy khả năng sáng tạo, xây dựng và phát triển chế độ lao động, chính sách ưu đãi hợp lý đối với người lao động giúp họ yên tâm làm việc và cống hiến. Cụ thể như sau:

- ✓ Tiền lương được chi trả theo tháng gồm 2 lần (tạm ứng và thanh toán). Lương được tính dựa trên kết quả năng suất lao động, ngày công và mức độ hoàn thành công việc.
- ✓ Tiền thưởng: được tính theo quý, dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc chi trả tiền thưởng được thực hiện theo quy chế do Công ty xây dựng
- ✓ Thời gian nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ tết, nghỉ hiếu hỷ, nghỉ phép, nghỉ ốm, không lương: Công ty thực hiện theo đúng quy định của Luật lao động.

- ✓ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế: Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật định.
- ✓ Do đặc thù sử dụng nhiều lao động nữ nên đời sống của lực lượng cán bộ lao động nữ luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của Ban lãnh đạo. Các tổ chức đoàn thể của Công ty được lập ra nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ này.
- ✓ Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CNV trực tiếp sản xuất kinh doanh; ngoài ra còn tổ chức khám sức khỏe cho chị em nữ CNV 1 lần/năm.
- ✓ Thành lập Hội đồng Bảo hộ lao động có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ trong toàn công ty.
- ✓ Do tính chất của ngành Dược sản xuất thuốc chữa bệnh cho con người nên công ty quan tâm đến việc đầu tư nâng cấp nhà xưởng đạt tiêu chuẩn “Thực hành sản xuất thuốc tốt, GMP – WHO” theo quy định của Bộ Y tế: Về không gian, ánh sáng, độ sáng, độ cách âm...; nơi làm việc ở các xưởng được trang bị quạt thông gió; riêng phân xưởng Nang mềm và Phân xưởng thuốc Tiêm được trang bị điều hòa, máy lọc không khí, máy hút bụi, máy giặt là quần áo cho người lao động đảm bảo vô trùng.
- ✓ Một số chính sách ưu đãi đối với Cán bộ công nhân viên khác:
 - Chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ.
 - Chế độ thăm quan, nghỉ lễ.
- ✓ Trong quá trình cổ phần hóa có chính sách ưu đãi đặc biệt cho các hộ lao động nghèo được mua cổ phần dưới hình thức trả chậm.
- ✓ Nhằm thu hút và giữ những cán bộ có năng lực, công ty luôn có những chính sách đặc biệt về lương, thưởng ưu đãi hơn cho các cán bộ có trình độ Dược sỹ đại học trở lên, các cán bộ có những đóng góp sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, kinh doanh.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Mặc dù công tác xây dựng nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP tại xã Việt Hòa bắt đầu từ năm 2005 theo như kế hoạch đề ra không thành công do Tình yêu cầu di dời chỗ khác nhường lại cho dự án xây cànng nội địa, Công ty đã đề ra phương án từ xây dựng nhà máy toàn phần đang đầu tư từng phần, cải tạo nhà 3 tầng tại số 102 Chi Lăng và đã xây dựng thành công dây chuyền Nang mềm đầu tiên đạt tiêu chuẩn GMP – WHO. Năm 2013, Công ty đã xây dựng thành công dây chuyền Dịch truyền – liên doanh với Vimedimex Sài Gòn.

Bên cạnh đó, năm 2011 Công ty đã hoàn thành giải phóng mặt bằng xây dựng nhà máy tại phường Cẩm Thượng, đã hợp thống nhất qui hoạch xây dựng tổng thể nhà máy lớn gấp 3 lần ở 102 Chi Lăng. Năm 2013 vừa qua, Công ty tiếp tục dự án xây dựng đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án này. Đồng thời trình đại hội có nghị quyết đầu tư xây dựng dây chuyền Viên không chứa kháng sinh nhóm β -Lactam + Sủi + Đông khô tại khu đất Cẩm Thượng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	268.408.549.363	245.990.571.312	-8,35%
Doanh thu thuần	684.429.407.824	742.086.486.351	8,42%
Lợi nhuận từ HĐKD	24.794.544.103	37.548.889.815	51,44%
Lợi nhuận khác	2.140.274.586	-1.131.512.878	-152,87%
Lợi nhuận trước thuế	26.934.818.689	36.417.376.937	35,21%
Lợi nhuận sau thuế	20.792.246.042	27.961.882.615	34,48%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	23%	23%	100%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu		Năm 2013	Năm 2012
I	Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1	Bố trí cơ cấu tài sản		
	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	12.20%	12.21%
	Tài sản lưu động/ Tổng tài sản	87.80%	87.79%
1.2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn		
	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	59.35%	66.30%
	Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	40.65%	33.70%
II	Khả năng thanh toán		
	Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1.68	1.51
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1.58	1.39
	Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1.13	1.00
III	Tỷ suất sinh lời		
3.1	Tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu		
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	4.90%	3.91%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ doanh thu	3.76%	3.02%
3.2	Tỷ suất lợi nhuận/ tổng tài sản		
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ tổng tài sản	14.80%	10.04%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	11.37%	7.75%
3.3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ nguồn vốn chủ sở hữu	27.96%	22.99%

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/ Vốn cổ phần
Nhà nước			
Cổ đông trong nước	518	3.000.000	100%
– Tổ chức	1	363.800	12,13%
– Cá nhân	517	2.636.200	87,87%
Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
Tổng cộng	518	3.000.000	100%

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- ❖ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- ❖ Kế hoạch phát triển trong tương lai



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu (ĐVT:đồng)	Thực hiện 2013	% thực hiện KH	Thực hiện 2012	% thực hiện KH	% tăng giảm so với 2012
Tổng giá trị tài sản	246.174.564.026		268.688.542.077		-8,38%
Doanh thu thuần	742.086.486.351	103%	684.429.407.824	120%	8,42%
Giá vốn hàng bán	615.037.962.568		582.584.721.924		5,57%
Lợi nhuận gộp	127.048.523.783		101.844.685.900		24,75%
Chi phí tài chính	367.1675.396		4.781.063.483		-23,20%
Chi phí bán hàng	32.652.567.055		33.171.036.444		-1,56%
Chi phí quản lý	53.815.553.206		40.539.339.633		32,75%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	37.548.889.815		24.794.544.103		51,44%
Lợi nhuận khác	-1.131.512.878		2.140.274.586		-152,87%
Lợi nhuận trước thuế	36.417.376.937	146%	26.934.818.689	170%	35,21%
Lợi nhuận sau thuế	27.961.882.615		20.792.246.042		34,48%
Tỷ lệ chia cổ tức	23%	100%	23%	100%	100%
Thu nhập bình quân	5.025.000	120%	4.170.000	125%	121%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu (ĐVT :đồng)	2012	2013	% tăng giảm
1. Tài sản ngắn hạn	235.634.766.049	215.984.146.648	-8,34%
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.104.565.181	31.212.914.238	55,25%
Các khoản phải thu	147.708.887.612	121.760.378.307	-17,57%
Hàng tồn kho	66.959.780.659	62.482.461.830	-6,69%
2. Tài sản dài hạn	32.773.783.314	30.006.424.664	-8,44%
Tài sản cố định	32.382.697.365	29.586.219.419	-8,63%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	23.000.000	23.000.000	0,00%
Tài sản dài hạn khác	368.085.949	397.205.245	7,91%
Tổng tài sản	268.408.549.363	245.990.571.312	-8,35%

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu (ĐVT : đồng)	2012	2013	% tăng giảm
Nợ ngắn hạn	169.488.174.325	136.317.036.817	-19,57%
Vay ngắn hạn	36.314.236.906	16.228.141.968	-55,31%
Phải trả người bán	102.173.016.526	81.141.394.615	-20,58%
Phải trả khác	3.619.555.768	3.226.205.534	-10,87%
Nợ dài hạn	8.467.265.271	9.680.869.770	14,33%
Tài sản cố định	29.773.545.605	29.586.219.419	-0,63%
Vốn chủ sở hữu	9.045.310.9767	99.992.664.725	10,55%

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

- Tiếp tục đa dạng hóa mặt hàng, đa dạng dạng bào chế, đồng thời triển khai cả thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, tăng thêm những mặt hàng thuốc đông dược, thuốc nước kem, gell, crem mỡ .. nghiên cứu thêm 50 mặt hàng mới, tập trung vào nhu cầu của nhóm đông dân có nhu cầu và có thu nhập trung bình, chú ý vào nhiều loại hình kinh doanh như liên doanh sản xuất, bao tiêu, gia công và những mặt hàng có khả năng xuất khẩu.
- Tăng cường và có những biện pháp cụ thể quản lý tốt chất lượng khi đã đưa ra thị trường, tránh tối đa những lỗi sản phẩm không đáng mắc. Kiểm soát chặt tất cả các khâu, theo dõi chặt độ ổn định của thuốc.
- Tăng cường liên doanh liên kết trong sản xuất, trong nghiên cứu, thưởng cao và kịp thời cho ý tưởng mới, sáng kiến có hiệu quả được áp dụng trong sản xuất và kinh doanh.
- Tăng cường thu hút nhân tài, trí tuệ để phục vụ cho công tác khoa học ứng dụng: thị trường cần là công ty sản xuất kinh doanh, đáp ứng ngay. Mọi CBCNV đều có thể phản biện, góp ý, tham mưu cho lãnh đạo để sửa đổi, ban hành những chính sách thích hợp nhất, thúc đẩy mạnh sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao nhất.
- Tiếp tục mạnh mẽ chính sách tiết kiệm lao động, nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng và mọi chi phí sản xuất sao cho sản phẩm của Hải Dương vẫn là địa chỉ tin cậy với mọi khách hàng mua bán trong cả nước và những nhà khoa học.
- Triển khai nhanh những mặt hàng đã có số đăng ký, điều tra kỹ nhu cầu, có kế hoạch sản xuất hợp lý, tránh tồn kho, ứ đọng nguyên liệu, phụ liệu và thành phẩm. Bộ phận nghiên cứu nắm chắc Thông tư 31, Thông tư 01 và Thông tư 11 để hàng của Công ty sản xuất được đưa vào thầu ở Bệnh viện các tuyến từ Trung ương đến địa phương.
- Nhanh chóng thẩm định Dây chuyền Dịch truyền cỡ nhỏ để xếp hồ sơ và đưa vào sản xuất 1 số mặt hàng dịch truyền, tạo việc làm và tăng trưởng doanh số.
- Tiếp tục dành kinh phí, từ 3 – 5 tỷ đồng cho xây dựng thương hiệu bằng các hình thức: báo chí, Website, phóng sự, truyền hình, hội nghị khách hàng và các hình thức quảng cáo khác. Tận dụng tối đa thể mạnh quảng bá của

khách hàng sản xuất tại Công ty để họ bán hàng do Hải Dương sản xuất, đồng thời đẩy mạnh thương hiệu của HDPHARMA.

- Xây dựng và tinh nhuệ đội ngũ bán hàng ra ngoài tỉnh, chuyên nghiệp, độc lập làm thầu hoặc liên kết làm thầu vào Bệnh viện các tỉnh.
- Cải tiến các chính sách bán hàng thực sự ưu việt, để người bán buôn, bán lẻ hàng Hải Dương không bị thua thiệt.
- Siết chặt tài chính, quản lý tốt hàng hóa, quản lý tốt dòng vốn, quay vòng nhanh và có hiệu quả. Luôn giữ an toàn cho Công ty trong mọi tình huống.
- Mục tiêu cuối cùng của năm 2014: sản xuất – kinh doanh đạt được chỉ tiêu, kinh tế ổn định, việc làm và thu nhập của CBCNV luôn giữ vững và cải thiện, cổ tức trả được như năm 2013, đời sống tinh thần luôn được quan tâm

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- ❖ Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- ❖ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
- ❖ Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về sản xuất – kinh doanh

❖ Về sản xuất

Ngay từ khi thành lập, HĐQT đã rất chú trọng ưu tiên số 1 cho đầu tư cho sản xuất là phải xây dựng thành công nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP, đã lập kế hoạch, phương án xây dựng nhà máy và đã xin tỉnh cấp cho Công ty 3ha tại xã Việt Hòa, làm thủ tục đền bù giải phóng mặt bằng đến năm 2005 mới xong. Công ty đã thuê thiết kế tổng thể và chi tiết, đến tháng 5/2005 bắt đầu xây dựng thì công thì Tỉnh lại yêu cầu di dời đi chỗ khác nhường đất lại cho dự án xây cảng nội địa. Lúc này, HĐQT họp bàn đã thực hiện phương án di dời xây dựng nhà máy, tìm đại điểm khác. Công tác đền bù và giải phóng mặt bằng làm nhanh cũng phải mất 3 năm, như vậy sẽ chậm lộ trình GMP mà Bộ Y tế quy định, Công ty có nguy cơ phải dừng sản xuất. Vì vậy HĐQT thống nhất ra nghị quyết: vừa tiếp tục đề nghị UBND Tỉnh cấp đất cho Công ty xây dựng nhà máy ra chỗ khác và 1 mặt yêu cầu đơn vị sử dụng đất xây dựng nhà máy của Công ty phải đền bù đầy đủ số tiền Công ty đã đầu tư và để đủ mua được miếng đất khác có mặt bằng diện tích như vậy.

Để thực hiện lộ trình GMP và sản xuất của Công ty không bị ngừng trệ, đảm bảo cho công ăn, việc làm đời sống cho hơn 300 công nhân trực tiếp sản xuất, HĐQT đề nghị Tỉnh can thiệp với Bộ Y tế và công văn của Công ty đề nghị Bộ Y tế gia hạn sản xuất 1 số dây chuyền cho Công ty.

HĐQT họp ra nghị quyết chuyển hướng đầu tư, từ xây dựng nhà máy toàn phần sang đầu tư từng phần, cải tạo nhà 3 tầng tại số 102, Chi Lăng, và đã xây dựng thành công dây chuyền Nang mềm đầu tiên đạt tiêu chuẩn GMP-WHO. Năm 2009-2010, xây dựng thành công dây chuyền thuốc Tiêm và nhỏ mắt đạt tiêu chuẩn GMP-WHO; năm 2011 xây dựng thành công dây chuyền thuốc Viên Đông dược, năm 2012 xây dựng thành công dây chuyền Thuốc nước và kem mỡ; năm 2013 xây dựng thành công dây chuyền Dịch truyền – liên doanh với Vimedimex Sài Gòn. Năm 2011, Công ty hoàn thành giải phóng mặt bằng xây dựng nhà máy tại phường Cẩm Thượng, đã họp thống nhất qui hoạch xây dựng tổng thể nhà máy, và đã có nghị quyết chuyển dây chuyền chiết xuất Dược liệu và thiết kế xây dựng khu chiết xuất dược liệu, xây dựng bể xử lý

nước thải hiện đại, với công suất lớn gấp 3 lần ở 102 Chi Lăng. Toàn bộ đường nội nhà máy được trải nhựa áp phan, xây dựng tường bao nhà bảo vệ và trồng cây xung quanh nhà máy, đã xây xong nhà xưởng sơ chế và chiết xuất dược liệu, đang triển khai xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất đủ cho cả nhà máy và kho GSP. Và trình đại hội cổ đông lần này có nghị quyết đầu tư xây dựng dây chuyền Viên không chứa kháng sinh nhóm β -Lactam + Sủi + Đông khô tại khu đất Cẩm Thượng.

Trong nhiệm kỳ qua, chúng ta đã xây dựng thành công 6 dây chuyền và mở rộng công suất gấp đôi cho dây chuyền Nang mềm, đã hoàn thành xây dựng nhà máy GMP số 1 tại số 102 Chi Lăng. Nhiệm kỳ 2014-2019 xây dựng nhà máy số 2 tại phường Cẩm Thượng.

❖ Về hệ thống kinh doanh

Để thực hiện lộ trình GSP, GDP, GPP – Bảo quản thực hành phân phối và hệ thống bán lẻ đạt các qui định GP của Bộ Y tế quy định, từ năm 2010, HĐQT ra nghị quyết triển khai xây dựng và cải tạo hệ thống kho GSP và đã xây dựng hệ thống bán buôn từ phòng Kinh doanh Công ty đến các chi nhánh huyện, thị xã, thành phố đạt tiêu chuẩn GDP – thực hành tốt phân phối thuốc. Trong 2 năm (2010 và 2011) đạt 100% GDP; tiếp tục xây dựng hệ thống bán lẻ đạt GPP – thực hành tốt nhà thuốc. Đến nay, có trên 100 quầy đạt GPP. Phấn đấu đến hết năm 2014, 100% có sở bán lẻ đạt tiêu chuẩn GPP.

Đến nay, Công ty đã thực hiện tất cả các lộ trình GMP, các qui định của Bộ Y tế và đề án phát triển ngành Dược của Sở Y tế Hải Dương đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Đến hết năm 2013, Công ty đã sở hữu 01 nhà máy với 6 dây chuyền đạt tiêu chuẩn quốc tế GMP-WHO, phòng Kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn GLP, hệ thống kho đạt tiêu chuẩn GSP và 100% các chi nhánh đạt tiêu chuẩn GDP, tiến tới hoàn thành xây dựng hệ thống bán lẻ đạt tiêu chuẩn GPP. Công ty đang xây dựng nhà máy GMP số 2 tại phường Cẩm Thượng, hiện đã hoàn thành cơ sở hạ tầng, đường xá nội nhà máy và nhà xưởng khu chiết xuất dược liệu và hệ thống xử lý nước thải.

Về đầu tư khoa học kỹ thuật

Với số lượng CBCNV-người lao động là gần 700 người, thường xuyên được bổ sung cán bộ có trình độ đại học, công nhân có tay nghề cao được đào tạo bài bản, đó

là nguồn nhân lực dồi dào là động lực thúc đẩy cho sản xuất kinh doanh phát triển. Trong nhiệm kỳ vừa qua, HĐQT rất chú ý đến công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo bồi dưỡng cán bộ. Yếu tố con người coi là yếu tố then chốt trong sự thành công của công ty. HĐQT có chính sách thu hút nhân tài, tăng cường tuyển dụng các dược sĩ đại học chính quy (ưu tiên trường Đại học Dược Hà Nội và Dược Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó mới đến các trường khác), đi sâu vào nghiên cứu và đầu tư các mặt hàng mới có tác dụng điều trị tốt, có hàm lượng chất xám và lợi nhuận cao, chọn mặt hàng chất lượng để đầu tư bài bản, hợp tác ứng dụng các phát minh, đề tài nghiên cứu khoa học đã được phê duyệt của các viện nghiên cứu Trung ương và địa phương, đi sâu vào các mặt hàng có nguồn gốc thảo dược được nuôi trồng khai thác trong nước.

Về công tác nuôi trồng và chế biến dược liệu

Đi sâu sát việc thu mua dược liệu ở khu vực có vùng nguyên liệu dồi dào.

Hàng năm có kế hoạch thu mua hợp lí, kịp thời, theo thời vụ các loại dược liệu thu hoạch theo năm, theo tuổi dược liệu.

Chủ động xây dựng vùng trồng dược liệu, hợp đồng với nông dân, địa phương đầu tư giống vốn, kỹ thuật, sau đó hợp đồng bao tiêu toàn bộ sản phẩm của nông dân để ổn định đầu ra.

Hàng năm đã thu mua cung cấp đủ các loại dược liệu phục vụ cho nhu cầu sản xuất của công ty, và cung cấp cho các công ty bạn trong khu vực và trên cả nước.

Đến nay, Công ty đã triển khai xây dựng được 5 khu vực trồng gấc và đinh lăng tại các huyện (Nam Sách, Chí Linh, Thanh Hà, Thanh Miện ...)

Đang thực hiện đề tài xây dựng mô hình trồng cỏ ngọt tập trung và nghiên cứu chiết xuất đường Steviosit trong lá cỏ ngọt trồng tại Hải Dương để sản xuất thực phẩm chức năng hỗ trợ điều trị bệnh tiểu đường và tim mạch, chống béo phì.

Công tác tài chính

Phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, nhất là nguồn vốn bán cổ phần, tăng vốn điều lệ năm 2010 và các nguồn vốn khác như huy động vốn vay của người lao động, vốn vay ngân hàng theo nguyên tắc thiếu đến đâu lập phương án vay đến đó.

Đôn đốc chỉ đạo tạo điều kiện cho Phòng kế toán Công ty làm tốt chức năng giám đốc đồng tiền, đã quản lý giám sát chặt chẽ công nợ phải thu, điều hành vay trả nợ ngân hàng đạt hiệu quả cao, hàng năm hạn chế thấp nhất để số dư tiền gửi, tích cực đôn đốc thu tiền bán hàng về trả nợ ngân hàng, khi cần lại vay ngân hàng, không để nợ quá hạn.

Trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế thế giới và sự suy giảm kinh tế Việt Nam, nhiều Công ty gặp khó khăn, nhiều doanh nghiệp đơn vị kinh tế phá sản, do vậy một số doanh nghiệp và cá nhân mua hàng của Công ty do khó khăn chung về vốn vay hoặc do một số doanh nghiệp và cá nhân có tư tưởng lợi dụng khó khăn đổ cho khách quan, không trả nợ đúng như hợp đồng kinh tế, đã trốn tránh chây ỳ trả nợ. Do vậy, trong nhiệm kỳ qua đến nay, nợ xấu của công ty tăng lên gần 10 tỷ đồng. Ngoài việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo chế độ tài chính, Công ty đã làm hồ sơ khởi kiện 1 số đơn vị ra tòa án, song khi tuyên án, họ không còn tài sản để thực hiện.

Các nghĩa vụ với nhà nước, Công ty hàng năm thực hiện rất nghiêm chỉnh, nộp thuế từ 4,6 tỷ đồng (năm 2009) lên 23,7 tỷ đồng (năm 2013). Cả nhiệm kỳ Công ty đã nộp tổng số thuế là 61,595 tỷ đồng.

Đảm bảo mọi chế độ chính sách cho người lao động đóng BHXH, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trích nộp các quỹ khen thưởng phúc lợi, kinh phí công đoàn.

Kết quả tài chính từ năm 2009 đến năm 2013 là rất lành mạnh, trung thực, công khai minh bạch, mức tăng trưởng hàng năm từ 20 – 30%.

Hàng năm Công ty đã thuê kiểm toán, qua kết quả kiểm toán của các Công ty kiểm toán độc lập, toàn bộ số liệu kiểm toán của Công ty là số liệu sạch, đúng chế độ tài chính của Nhà nước, đảm bảo đủ điều kiện pháp lý để lên sàn giao dịch chứng khoán.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong những năm qua mặc dù nền kinh tế trong nước và thế giới có nhiều khó khăn, biến động; Song Ban Giám đốc và bộ máy điều hành đã triển khai thực

hiện tốt các Nghị quyết của HĐQT theo đúng quy chế của công ty. Luôn hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHCĐ, HĐQT giao.

Ban Giám đốc đã đề ra các chính sách phù hợp, kích thích sản xuất, kinh doanh phát triển, như: Chính sách về nghiên cứu khoa học kỹ thuật phát triển mặt hàng, đa dạng hoá sản phẩm, dạng bào chế, sản phẩm thay thế; chính sách bán hàng, thu hồi công nợ siết chặt tài chính, không tăng trưởng nóng vì rủi ro luôn rình rập mà lấy tăng trưởng phát triển bền vững và an toàn tài chính là mục tiêu hàng đầu; chính sách thưởng đề tài, sáng kiến, tiết kiệm, hiệu quả cho công ty của người lao động, ...

Các công trình XD CB thực hiện theo quy chế đấu thầu, chào giá thầu cạnh tranh từ đó giá thành của các công trình hạ, tiết kiệm được chi phí đầu tư và đưa các công trình vào sử dụng mang lại hiệu quả. Khâu điều hành quản lý chất lượng đã tiến bộ.

Khuyến khích động viên người lao động làm chủ được công nghệ, tăng NSLĐ, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Đời sống của cán bộ công nhân viên, lao động ngày càng được nâng cao.

Tuy nhiên, trong công tác điều hành còn một số hạn chế về khâu chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD còn có lúc bị động, lúng túng .

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong những năm tới, Công ty vẫn giữ vững và phát huy những kết quả đã đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua, tiếp tục đầu tư mạnh mẽ về sản xuất, giữ vững ổn định về kinh doanh, mở rộng qui mô phát triển dược liệu, tập trung toàn bộ năng lực có thể cả về sức lực và trí tuệ, tiền vốn để xây dựng và phát triển cả về sản xuất kinh doanh và nuôi trồng dược liệu, tạo ra sự đồng bộ trong phát triển trên cả 3 mặt trận, vừa làm động lực cho nhau, vừa hỗ trợ kích thích nhau xây dựng phát triển Công ty đạt được các mục tiêu sau:

- Mở rộng về qui mô doanh nghiệp, đưa Công ty từ doanh nghiệp có qui mô vừa (hiện nay 30 tỷ đồng vốn điều lệ) trở thành một doanh nghiệp Dược lớn của Việt Nam (vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng), xây dựng thành công nhà máy GMP-WHO thứ 2 tại Cẩm Thượng - có vị trí ảnh hưởng quan trọng trong ngành Dược cả nước.
- Tiếp tục đầu tư công nghệ mới với trình độ khoa học kỹ thuật tiên tiến nhất đáp ứng yêu cầu trình độ tiêu chuẩn của một doanh nghiệp Dược hiện đại của khu vực ASEAN và tiến tới theo kịp các doanh nghiệp Dược Châu Âu.
- Giữ vững ổn định và phát triển thị trường trong tỉnh, tập trung trọng tâm vào thị trường các tỉnh khu vực phía Bắc, thị trường các tỉnh miền Trung và miền Nam; từng bước vươn ra tiếp cận thị trường khu vực ASEAN và thị trường các nước khác trên thế giới.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, coi chất lượng sản phẩm là trách nhiệm đối với xã hội, mang tính quyết định cho sự tồn tại và phát triển Công ty.
- Đầu tư thích đáng vào sự phát triển nguồn nhân lực, yếu tố con người là quan trọng nhất, quyết định sự thành bại của Công ty.

Tập trung đào tạo đội ngũ khoa học chuyên sâu đủ sức mạnh để nghiên cứu mặt hàng mới, mặt hàng mũi nhọn của Công ty. Đào tạo một đội ngũ đông đảo công nhân lành nghề, vận hành tốt máy móc thiết bị công nghệ hiện đại.

Tổ chức đội ngũ CBCNV-người lao động đông đảo, đoàn kết, dòi dào về kiến thức khoa học kỹ thuật, đoàn kết tâm huyết gắn bó với Công ty, lấy đó là động lực chủ yếu thúc đẩy Công ty phát triển.

Tạo dựng một môi trường hoạt động công bằng bình đẳng, khách quan, minh bạch trên tinh thần dân chủ, phát huy tốt quyền làm chủ tập thể của CBCNV - người

lao động; thiết lập kỷ cương trong công tác điều hành, thực hiện tốt các quy chế quản lý của Công ty, để hàng năm đạt năng suất lao động cao, hiệu quả kinh tế tốt và lợi nhuận tăng từ 20 – 30%, năm sau cao hơn năm trước; sẽ đưa Công ty thành 1 doanh nghiệp có:

- Công nghệ tiên tiến
- Có trình độ quản lý tiên tiến, phù hợp với công nghệ đó

Có thương hiệu và văn hóa tiên tiến.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ❖ Hội đồng quản trị
- ❖ Ban Kiểm soát
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

TT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỉ lệ nắm giữ
1	Trần Văn Oanh	Chủ tịch HĐQT	36.300	1,21%
2	Nguyễn Xuân Trang	Ủy viên HĐQT – Tổng Giám Đốc	47.000	1,57%
3	Nguyễn Thị Tú Anh	Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám Đốc	73.860	2,48%

Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị giám sát Ban giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết HĐQT, nghị quyết, quyết định đại hội cổ đông, các quy chế quản lý và điều lệ của Công ty đã ban hành.
- Hàng tháng HĐQT kiểm điểm công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh tháng trước và kế hoạch tháng, quý sau; nắm bắt kịp thời các bất cập, tồn tại và đề ra biện pháp khắc phục yêu cầu BGD thực hiện.
- Phê duyệt và giám sát việc can đối về nguồn lực, vật lực, trang thiết bị để tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành kế hoạch của Ban giám đốc điều hành.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- Các tiểu ban thuộc HĐQT hoạt động theo quy chế quản lý của Công ty, giúp việc tư vấn HĐQT trong xây dựng các Nghị quyết về SXKD, các hoạt động khác của Công ty.

Các cuộc họp, nghị quyết của hội đồng quản trị

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	51	11/03/2013	Giao nhiệm vụ cho ban điều hành kế hoạch SXKD năm 2013
2	291	01/03/2013	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013
3	404	30/03/2013	Giao nhiệm cho phòng Kế toán hoàn thiện hồ sơ khởi kiện một số công nợ phải thu khó đòi
4	502	06/05/2013	Tiếp tục các hạng mục xây dựng tại Dự án Cẩm Thượng, xây nhà để xe khu văn phòng công ty
5	626	03/06/2013	Phân phối lợi nhuận năm 2012 theo điều lệ
6	713	04/07/2013	Duy trì hạn mức tín dụng với Ngân hàng Đầu tư, Bổ sung lương quý II/2013
7	888	05/08/2013	Xây dựng quy chế liên doanh, bổ nhiệm ông Nguyễn Tiến Dũng làm phó giám đốc chi nhánh huyện Cẩm Giàng
8	970	06/09/2013	Thành lập phòng Marketing, giao nhiệm vụ cho phòng kế toán phân loại công nợ phải thu khó đòi.
9	1081	04/10/2013	Giao nhiệm vụ cho phòng kế toán kiểm tra HĐKT, mã 03 máy gấp toa, giao nhiệm vụ chủ tịch HDBHLD cho ông Đặng Văn Việt
10	1226	05/11/2013	Đầu tư máy in ống công nghệ Ý, trang phục cho CBCNV.
11	1385	18/12/2013	Mức chi trả cổ tức, vốn góp, lương bổ sung năm 2013, thang lương tham gia BHXH năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỉ lệ nắm giữ
1	Trần Văn Nghiêm	Trưởng Ban Kiểm Soát	7.100	0,24%
2	Hoàng Thị Quế Quỳnh	Thành viên Ban Kiểm Soát	6.800	0,23%
3	Phạm Đăng Hồng	Thành viên Ban Kiểm Soát	3.500	0,12%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Thực hiện quy chế hoạt động của BKS, căn cứ điều lệ của công ty, BKS hoạt động độc lập nhưng vẫn theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Hàng quý, BKS họp và đánh giá các mặt hoạt động của công ty, đề ra các nhiệm vụ giám sát cụ thể của từng thành viên, các vấn đề cần tập trung giám sát, cụ thể: các NQ của HĐQT, việc điều hành của Ban giám đốc, đầu tư XD CB, thực hiện quy chế dược, quản lý tài chính, báo cáo kế toán của các quý, năm, phân phối lợi nhuận,...

BKS thường xuyên tiếp xúc và tiếp nhận thông tin từ các cổ đông; xem xét nghiêm túc các ý kiến của Cổ đông và có ý kiến với HĐQT để giải quyết kịp thời.

BKS đã tham gia, đóng góp ý kiến trong các cuộc họp HĐQT, cùng HĐQT xây dựng định hướng cho SXKD, đầu tư XD CB đạt hiệu quả.

THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng quản trị

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Lợi nhuận sau thuế (A)	27.010.981.999
2	Thù lao Hội đồng quản trị (=3%xA)	810.329.400
	Cộng	810.329.400

(Nguồn Báo cáo tài chính 2013)

Ban Kiểm soát

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Lợi nhuận sau thuế (A)	27.010.981.999
2	Thù lao của BKS (=1%xA)	270.109.800

(Nguồn Báo cáo tài chính 2013)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trên cơ sở công việc kiểm toán của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Dương Thị Thảo

Giám đốc

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán,

Kế toán và Tư vấn Thuế AAT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2013

Đơn vị tính : VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		215.984.146.648	235.634.766.049
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		31.212.914.238	20.104.565.181
1. Tiền	111	V.01	31.212.914.238	20.104.565.181
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		121.760.378.307	147.708.887.612
1. Phải thu khách hàng	131		123.685.616.361	149.187.253.148
2. Trả trước cho người bán	132		652.803.406	1.471.554.975
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	233.916.122	341.029.602
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(2.811.957.582)	(3.290.950.113)
IV. Hàng tồn kho	140		62.482.461.830	66.959.780.659
1. Hàng tồn kho	141	V.04	62.482.461.830	66.959.780.659
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		528.392.273	861.532.597
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		289.492.273	127.470.863
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.949.682
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		238.900.000	732.112.052
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.006.424.664	32.773.783.314
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-

			-	
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		29.586.219.419	32.382.697.365
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	28.166.671.787	29.493.552.891
- Nguyên giá	222		84.586.882.344	76.958.984.148
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.420.210.557)	(47.465.431.257)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	183.992.714	279.992.714
- Nguyên giá	228		2.399.937.490	2.399.937.490
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.215.944.776)	(2.119.944.776)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.235.554.918	2.609.151.760
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	23.000.000	23.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		23.000.000	23.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		397.205.245	368.085.949
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	397.205.245	368.085.949
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		245.990.571.312	268.408.549.363

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*(tiếp theo)***Tại ngày 31/12/2013****Đơn vị tính : VNĐ**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		145.997.906.587	177.955.439.596
I. Nợ ngắn hạn	310		136.317.036.817	169.488.174.325
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	16.228.141.968	36.314.236.906
2. Phải trả người bán	312		81.141.394.615	102.173.016.526
3. Người mua trả tiền trước	313		2.581.919.581	1.798.127.250
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	4.751.071.330	3.966.841.163
5. Phải trả người lao động	315		6.823.576.687	6.932.642.094
6. Chi phí phải trả	316	V.17	459.000.000	8.290.358.734
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	3.226.205.534	3.619.555.768
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		8.000.000.000	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		13.105.727.102	6.393.395.884
II. Nợ dài hạn	330		9.680.869.770	8.467.265.271
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	6.933.142.500	8.219.538.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		247.727.270	247.727.271
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		2.500.000.000	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		99.992.664.725	90.453.109.767
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	99.992.664.725	90.453.109.767
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.720.000.000	28.720.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.256.613.420	3.256.613.420
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỰNG VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	13.770.895.232	8.206.289.506
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	20.091.712.813	6.969.092.823
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	4.153.443.260	13.301.114.018
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-
12 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		245.990.571.312	268.408.549.363

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**Năm 2013****Đơn vị tính : VNĐ**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	00	VI.25	743.317.149.974	688.021.839.816
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	1.230.663.623	3.592.431.992
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	742.086.486.351	684.429.407.824
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	615.037.962.568	582.584.721.924
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		127.048.523.783	101.844.685.900
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	640.161.689	1.441.297.763
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	3.671.675.396	4.781.063.483
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.547.190.364	4.781.063.483
8. Chi phí bán hàng	24		32.652.567.055	33.171.036.444
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		53.815.553.206	40.539.339.633
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37.548.889.815	24.794.544.103
11. Thu nhập khác	31		76.689.937	2.140.274.586
12. Chi phí khác	32		1.208.202.815	-
13. Lợi nhuận khác	40		(1.131.512.878)	2.140.274.586
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.417.376.937	26.934.818.689
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	9.406.394.938	6.733.704.672
16. Chi phí thuế TNDN được miễn giảm	52	VI.32	950.900.616	591.132.025
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		27.961.882.615	20.792.246.042
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)			9.320,63	6.930,75

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính : VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		733.822.939.103	605.021.071.405
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(600.794.972.560)	(519.650.125.459)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(55.161.837.452)	(40.999.326.265)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(3.351.845.265)	(4.482.629.892)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(10.288.212.543)	(5.873.467.699)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		211.001.234.408	171.073.637.322
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(230.223.163.507)	(182.016.639.195)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		45.004.142.184	23.072.520.217
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.792.061.953)	(2.687.902.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		249.923.183	216.424.286
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.542.138.770)	(2.471.478.169)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		54.747.756.409	51.388.694.626
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(76.242.740.766)	(56.787.468.367)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.858.670.000)	(6.767.840.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(28.353.654.357)	(12.166.613.741)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		11.108.349.057	8.434.428.307
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60		20.104.565.181	11.670.136.874
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	VII.34	31.212.914.238	20.104.565.181

Hải Dương , ngày 30 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

CHỦ TỊCH HĐQT